

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/03/2019
V/v trA chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Vũ A Tuấn;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hào;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P Thọ tham phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan A - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST- HNGĐ ngày 14/12/2018 về việc trA chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐST- HNGĐ ngày 11/02/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: A Bùi Đức T, sinh năm 1987;

ĐKHKT: Khu 1, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh P Thọ.

2. Bị đơn: Chị Phùng Thị Bích N, sinh năm 1987;

ĐKHKT: Khu 1, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh P Thọ.

Chị N hiện đang ở nước ngoài.

(A T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Bùi Đức T trình bày: Anh và chị Phùng Thị Bích N kết hôn ngày 14/7/2009, đang ký kết hôn tại UBND phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh P Thọ trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Năm 2016, chị N đi làm việc tại Nhật B và rất ít liên lạc với anh T, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. anh T xác định không còn tình cảm với chị N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Vân K, sinh ngày 20/02/2010 và cháu Bùi Đức A, sinh ngày 04/8/2011. Hiện nay, hai cháu đang ở với anh T. Ly hôn A T đề nghị được nuôi cả hai cháu vì từ khi chị N

đi nước ngoài, A là người trực tiếp chăm sóc hai cháu, anh có chỗ ở, có thu nhập ổn định, đảm bảo chăm sóc tốt cho cả hai cháu. anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Cháu Bùi Vân K và cháu Bùi Đức A có nguyện vọng được ở với bố.

Về tài sản chung, công nợ; A T không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Hiện nay anh T không biết địa chỉ của chị N ở nước ngoài. Chị N chỉ thỉnh thoảng gọi điện về và chỉ nói ở Nhật B nhưng không cho A T biết địa chỉ cụ thể tại Nhật B nên anh T không cung cấp địa chỉ của chị N tại Nhật B cho Tòa án được. Anh T yêu cầu Tòa án xác minh địa chỉ của chị N tại Nhật B thông qua bố mẹ đẻ của chị N là ông Phùng Văn T và bà Chu Thị T có địa chỉ tại: Khu 4, xã Hà T, thị xã P Thọ, tỉnh P Thọ.

Thân nhân của chị Phùng Thị Bích N - bà Chu Thị T Tnh bày; Bà là mẹ đẻ của chị Phùng Thị Bích N. Hiện chị Phùng Thị Bích N đang ở Nhật B. Chị N vẫn thường xuyên gọi điện về cho bà. Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị N tại Nhật B vì chị N chỉ nói với bà hiện đang ở Nhật B nhưng không nói cụ thể ở đâu nên bà không thể cung cấp địa chỉ của chị N cho Tòa án. Việc anh T yêu cầu ly hôn chị N là việc riêng của anh T, chị N bà không can thiệp. Bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị giải quyết vắng mặt bà.

Tại phiên tòa, vị đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện VKSND tỉnh P Thọ đề nghị Tòa án cho A Bùi Đức T được ly hôn với chị Phùng Thị Bích N. Về con chung: Giao cho A Bùi Đức T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Vân K, sinh ngày 20/02/2010 và cháu Bùi Đức A, sinh ngày 04/8/2011. Chị Phùng Thị Bích N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng A Bùi Đức T do A T không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe đ-ơng sự trình bày, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn A Bùi Đức T nộp đơn xin ly hôn chị Phùng Thị Bích N tại Tòa án nhân dân tỉnh P Thọ. Trong đơn xin ly hôn, A T Tnh bày hiện chị N đang sống và làm việc tại Nhật B. Tại văn B số 208/A08-P5 ngày 27/12/2018 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận chị Phùng Thị Bích N đã xuất cảnh và chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ trA chấp được xác định trong vụ án là “trA chấp hôn nhân và gia đình”.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa A Bùi Đức T và chị Phùng Thị Bích N là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do chị N ở nước ngoài, vợ chồng không có điều kiện gần gũi, quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên A Bùi Đức T yêu cầu Tòa án giải quyết cho A được ly hôn với chị Phùng Thị Bích N.

Chị Phùng Thị Bích N hiện đang ở nước ngoài, A Bùi Đức T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị Phùng Thị Bích N, không cung cấp được địa chỉ của chị N ở nước ngoài cho Tòa án. Bà Chu Thị T là mẹ đẻ của chị Phùng Thị Bích N xác nhận chị N hiện đang ở Nhật B, chị N vẫn thường xuyên liên lạc với bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể tại Nhật B nên bà không cung cấp được địa chỉ của chị N ở Nhật B cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa A T và chị N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, nên việc A Bùi Đức T yêu cầu ly hôn với chị Phùng Thị Bích N là có căn cứ, được chấp nhận.

[2] Về con chung: A T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Vân K, sinh ngày 20/02/2010 và cháu Bùi Đức A, sinh ngày 04/8/2011. Hiện nay hai cháu đang ở với A T, ly hôn A T đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng A. Cháu Bùi Vân K và cháu Bùi Đức A có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, hiện nay chị N đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc cho cháu K và cháu A. Hai cháu hiện đang sống ổn định với A T. A T có chỗ ở, có thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc cho các cháu. Để đảm bảo cho hai cháu có điều kiện phát triển tốt nhất, cần giao cả hai cháu Bùi Vân K và cháu Bùi Đức A cho A Bùi Đức T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của A T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, công nợ: Do A Bùi Đức T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí: A Bùi Đức T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Bùi Đức T được ly hôn với chị Phùng Thị Bích N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Vân K, sinh ngày 20/02/2010 và cháu Bùi Đức A, sinh ngày 04/8/2011 cho anh Bùi Đức T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Chị Phùng Thị Bích N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng A Bùi Đức T. Chị Phùng Thị Bích N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Đức T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002802 ngày 14/12/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P Thọ.

Trong trường hợp B án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đ- ơng sự đ- ọc quyền làm đơn kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án đ- ọc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: HS+AV:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hảo

Nguyễn Thị Phẩm

Vũ A Tuấn

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đ-ơng sự;
- L- u: HS+AV:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ A Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Điền Nguyễn Thị Phẩm

Vũ A Tuấn

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đơn vị;
- Lưu: HS+AV:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ A Tuấn

Phú Thọ, ngày 01 tháng 9 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án “TrA chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: A Vũ Chiến Hậu - sinh năm 1976.

ĐKNKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt T, tỉnh P Thọ.

Bị đơn: Chị Lê Hồng Thắm - sinh năm 1978.

ĐKHKT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt T, tỉnh P Thọ.

(chị Thắm hiện đang ở nước ngoài).

Thân nhân của chị Lê Hồng Thắm: Ông Lê Quang Bình, sinh năm 1949.
(Bố đẻ chị Thắm).

Trú tại: Khu 7, xã Minh P, huyện Đoan Hùng, tỉnh P Thọ.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: **Ông Vũ A Tuấn;**

Các hội Thẩm nhân dân **Ông Nguyễn A Tuấn**

Bà Nguyễn Thị Phẩm

Vào hồi 9h15' ngày 01/9/2016, Tại phòng nghị án Hội đồng nghị án các vấn đề sau:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho A Vũ Chiến Hậu được ly hôn với chị Lê Hồng Thắm.

Về án phí: A Vũ Chiến Hậu phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận A Hậu đã nộp 200.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007964 ngày 07/6/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Biểu quyết: 03/03 = 100% nhất trí.

Biên bản lập xong và đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

Các hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Bá Điền

Nguyễn Thị Phẩm

Vũ A Tuấn

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 32/2016/TL-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Việt Trì, ngày 03 tháng 10 năm 2016

**TRÍCH LỤC
BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 32/2016/HNGĐ-ST ngày 01/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử giữa:

Nguyên đơn: A Vũ Chiến Hậu - sinh năm 1976.

ĐKNKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh P. Thọ.

Bị đơn: Chị Lê Hồng Thắm - sinh năm 1978.

ĐKHKT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh P. Thọ.
(chị Thắm hiện đang ở nước ngoài).

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho A Vũ Chiến Hậu được ly hôn với chị Lê Hồng Thắm.

Về án phí: A Vũ Chiến Hậu phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận A Hậu đã nộp 200.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007964 ngày 07/6/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ./.

Nơi nhận:
- Các đ-ơng sự.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
THẨM PHÁN**

Vũ A Tuấn

